

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục
“Hợp tác kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại nhà ga quốc tế
- Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất

GIÁM ĐỐC CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT

Căn cứ Quyết định số 448/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc ban hành Quy chế quản lý và tổ chức hoạt động kinh doanh, khai thác dịch vụ phi hàng không của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Phê duyệt số 7118/CHK-QLC ngày 13/12/2023 của Bộ giao thông vận tải - Cục hàng không Việt Nam về việc phê duyệt tài liệu khai thác công trình nhà ga hành khách quốc tế và nhà ga hành khách quốc nội Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Công văn số 4173/TCTCHKVN-KDPTTT ngày 25/10/2022 của Ban Kinh doanh phát triển thị trường về việc phê duyệt lợi ích tối thiểu và tỷ lệ phân chia khởi điểm hợp tác kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 728/QĐ-TCTCHKVN ngày 28/02/2023 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt phương án giá tối thiểu mặt bằng kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 1669/QĐ-TCTCHKVN ngày 26/04/2023 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt phương án giá tối thiểu, bổ sung/chuyển đổi dịch vụ/ngành nghề mặt bằng kinh doanh tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-HĐQT ngày 16/01/2025 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam về việc phê duyệt phương án giá tối thiểu các vị trí mặt bằng kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 5628/QĐ-CHKQTTSN ngày 18/12/2024 của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về việc kiện toàn nhân sự Tổ chuyên gia lựa chọn đơn vị hợp tác kinh doanh - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;



Căn cứ Quyết định số 5626/QĐ-CHKQTTSN ngày 18/12/2024 của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về việc kiện toàn nhân sự Tổ thẩm định lựa chọn đơn vị hợp tác kinh doanh, hợp tác khai thác, thuê mặt bằng, thuê mặt bằng/vị trí quảng cáo - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Tờ trình số 1-1/TTr-TCG ngày 17/03/2025 về việc Trình duyệt kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục “Hợp tác kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại nhà ga quốc tế - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất”,

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 2-1/BC-TTĐ ngày 20/03/2025 của Tổ thẩm định về việc Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục “Hợp tác kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại nhà ga quốc tế - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục “Hợp tác kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại nhà ga quốc tế - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất” với nội dung sau:

1. **Tên hạng mục:** Hợp tác kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại nhà ga quốc tế - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.
2. **Bên mời hợp tác:** Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.
3. **Thông tin về địa điểm, vị trí mặt bằng hợp tác kinh doanh dịch vụ phi hàng không**
 - Địa điểm: Khu vực nhà ga quốc tế – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.
 - Vị trí mặt bằng:

TIA tổ chức lựa chọn đối tác cho **10 (mười)** mặt bằng hợp tác kinh doanh dịch vụ phi hàng không với quy mô về diện tích như sau:

STT	Khu vực	Mã vị trí mặt bằng	Số lượng (vị trí)	Diện tích (m ²)	Hình thức kinh doanh
1	Khu vực hạn chế quốc tế đến	IAGIII-c	1	2,00	Dịch vụ simcard
2	Khu vực sảnh quốc tế đến cánh phải	IAG06-a	1	60,00	Dịch vụ ăn uống
3	Khu vực cách ly quốc tế đi gate 21	ID120-b	1	27,50	Dịch vụ ăn uống/bách hóa tổng hợp

D : Doanh thu thực tế phát sinh từ hoạt động hợp tác kinh doanh (chưa bao gồm thuế GTGT).

b. Tỷ lệ phân chia khởi điểm, Lợi ích hợp tác tối thiểu:

Tỷ lệ phân chia khởi điểm và Lợi ích hợp tác tối thiểu cho từng vị trí mặt bằng như sau:

STT	Mã vị trí mặt bằng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ phân chia khởi điểm (t)	Lợi ích hợp tác tối thiểu hàng tháng TIA được nhận (Limín)	Đơn vị tính
1	IAGIII-c	2,00	18%	12.060.000	VNĐ/quầy/tháng
2	IAG06-a	60,00	17%	1.388.000	VNĐ/m ² /tháng
3	ID120-b	27,50	18%	1.931.000	VNĐ/m ² /tháng
4	ID121-b	25,50	18%	135	USD/m ² /tháng
5	ID121-c	15,00	18%	135	USD/m ² /tháng
6	ID256-b	4,00	19%	2.500.000	VNĐ/m ² /tháng
7	ID256-c	2,00	15%	22.500.000	VNĐ/máy/tháng
8	ID251-b	1,50	15%	22.500.000	VNĐ/máy/tháng
9	ID306-i	30,00	18%	1.269.000	VNĐ/m ² /tháng
10	ID304-f	30,00	18%	2.292.000	VNĐ/m ² /tháng

❖ Lợi ích hợp tác chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí sử dụng điện, nước, chi phí vệ sinh môi trường, chi phí thi công, thiết kế, lắp đặt, cấp nguồn điện, điện thoại, internet và các chi phí khác (nếu có).

5. Thời gian hợp tác kinh doanh

Thời gian hợp tác kinh doanh: kể từ ngày ký Biên bản Xác nhận nghiệm thu mặt bằng đưa vào khai thác đến hết ngày 31/12/2026.

6. Tổ chức và tham gia lựa chọn

6.1 Nguyên tắc tổ chức lựa chọn đối tác:

- Các đơn vị được tùy chọn tham gia hợp tác các vị trí mặt bằng, phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của đơn vị;
- Đảm bảo cạnh tranh, chống độc quyền, hướng đến hiệu quả kinh doanh và hợp tác bền vững.

6.2 Hình thức lựa chọn đối tác: lựa chọn rộng rãi.

6.3 Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn đối tác: tháng 03/2025.

6.4 Loại hợp đồng: Hợp đồng hợp tác kinh doanh.

STT	Khu vực	Mã vị trí mặt bằng	Số lượng (vị trí)	Diện tích (m ²)	Hình thức kinh doanh
4	Khu vực cách ly quốc tế đi gate 26-27	ID121-b	1	25,50	Dịch vụ ăn uống/bách hóa tổng hợp
5	Khu vực cách ly quốc tế đi gate 26-27	ID121-c	1	15,00	Dịch vụ ăn uống/bách hóa tổng hợp
6	Khu vực sảnh quốc tế đi tầng 2	ID256-b	1	4,00	Dịch vụ ăn uống/bách hóa tổng hợp
7	Khu vực sảnh quốc tế đi tầng 2	ID256-c	1	2,00	Dịch vụ đóng gói hành lý
8	Khu vực hạn chế quốc tế đi tầng 2 cánh phải	ID251-b	1	1,50	Dịch vụ đóng gói hành lý
9	Khu vực sảnh quốc tế đi tầng 3	ID306-i	1	30,00	Dịch vụ ăn uống
10	Khu vực cách ly quốc tế đi tầng 3	ID304-f	1	30,00	Dịch vụ ăn uống/bách hóa tổng hợp
Tổng cộng			10		

➤ Vị trí theo sơ đồ bản vẽ đính kèm

Ghi chú: Diện tích có thể thay đổi theo thực tế khai thác căn cứ trên Biên bản tiếp nhận mặt bằng/Biên bản nghiệm thu lắp đặt và đưa mặt bằng vào khai thác.

4. Phương án hợp tác kinh doanh

4.1 Phần tham gia của các bên

a. TIA

Quyền khai thác mặt bằng được quy hoạch làm dịch vụ phi hàng không tại nhà ga quốc tế – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.

b. Đối tác

Đầu tư cơ sở vật chất và vận hành kinh doanh dịch vụ phi hàng không, bao gồm các công việc: thiết kế, thi công, lắp đặt trang thiết bị; vận hành, khai thác; cải tạo, sửa chữa mặt bằng để cung cấp dịch vụ theo tiêu chuẩn dịch vụ phục vụ hành khách.

4.2 Phương án phân chia lợi ích hợp tác

a. Phân chia theo doanh thu

$$Li = t * D$$

Trong đó:

Li : Lợi ích từ việc hợp tác kinh doanh TIA được phân chia hàng tháng.

T : Tỷ lệ phân chia (tỷ lệ %).

3525-
NG
QG QUỐC
IN NHÀ
TỔNG CỘNG
NG KHÔNG
M - CTCP
P. HỒ C

Điều 2: Tổ chức thực hiện

Đơn vị thực hiện: Phòng Kinh doanh phối hợp phòng Tài chính – Kế toán, Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất, phòng An toàn - Kiểm soát chất lượng thực hiện.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký

Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định, các Ông/Bà thủ trưởng phòng Kinh doanh, phòng Tài chính-Kế toán, Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất, Phòng An toàn - Kiểm soát chất lượng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ nội dung trên triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng trình tự, thủ tục và quy định hiện hành của Nhà nước, Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam - CTCP./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- P.KD;
- Lưu: VT. *u*

GIÁM ĐỐC**Đặng Ngọc Cương**